

Số: 20/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan, nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 294/TTr-STNMT ngày 02 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2023.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Sở: TN&MT, TP;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Báo Sơn La;
- Lưu: VT, KT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

QUY CHẾ

Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Các nội dung không quy định tại quy chế này thì thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vào mục đích hợp pháp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Trường hợp Điều ước quốc tế có quy định khác với Quy chế này thì thực hiện theo các quy định hiện hành của Điều ước quốc tế.

Điều 3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, cập nhật, vận hành, lưu trữ, quản lý, bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu đất đai;
- Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước;
- Cơ sở dữ liệu môi trường;
- Cơ sở dữ liệu địa chất và khoáng sản;
- Cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ;
- Cơ sở dữ liệu viễn thám;
- Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;

h) Cơ sở dữ liệu về kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

i) Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;

k) Cơ sở dữ liệu về hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường;

l) Cơ sở dữ liệu về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác theo quy định của pháp luật

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La phải phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sơn La; được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả, đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu

1. Việc quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Việc quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước phải tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.


3. Việc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phải tuân thủ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

4. Việc sử dụng dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước phải tuân thủ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 5. Kinh phí xây dựng, cập nhật và vận hành; phí khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí xây dựng, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Nhà nước quản lý được ngân sách tỉnh bố trí trong kinh phí chi cho sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trích suất từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về phí.

3. Dữ liệu chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định trong Luật Phí và lệ phí. 

Chương II

QUẢN LÝ VẬN HÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Thiết lập và hướng dẫn vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, hướng dẫn cho các đơn vị có liên quan vận hành, cập nhật thông tin cho hệ thống làm cơ sở phục vụ các tổ chức, cá nhân khai thác cơ sở dữ liệu, gồm:

1. Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai đã được phê duyệt, hướng dẫn các đơn vị có liên quan đưa hệ thống vào vận hành khai thác.

a) Thiết lập hạ tầng bao gồm hệ thống máy chủ, đường truyền, hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan, tổ chức đào tạo, triển khai hướng dẫn sử dụng hệ thống cho các đơn vị có liên quan đến vận hành khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu.

c) Hệ thống công nghệ thông tin (*máy chủ, hệ thống mạng, phần mềm ứng dụng ...*) phục vụ vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường đặt tại Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường được đảm bảo hoạt động, vận hành liên tục, thông suốt 24/24 giờ mỗi ngày.

2. Thiết lập cơ sở dữ liệu ban đầu cho hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

Tổ chức kiểm tra các cơ sở dữ liệu do các đơn vị tư vấn thi công xây dựng. Yêu cầu các đơn vị làm nhiệm vụ xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu phải có trách nhiệm kiểm tra, rà soát lại toàn bộ thông tin đã được phát hiện, chỉnh sửa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

3. Ngay sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu, phải tổ chức đưa hệ thống vào vận hành, đảm bảo các biến động tiếp theo được thực hiện trực tiếp trên hệ thống cơ sở dữ liệu thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng.

4. Việc vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được sử dụng thống nhất theo đúng mô hình triển khai đã được phê duyệt.

Điều 7. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy định. Tùy theo loại dữ

liệu, cấp độ dữ liệu, hình thức, đặc điểm, tính chất của dữ liệu, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến để cập nhật các dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cho hợp lý, khoa học, bảo đảm chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu.

Việc cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải thông qua các phần mềm chuyên dụng. Nghiêm cấm việc sử dụng các phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu hoặc các phần mềm khác có chức năng tương đương để cập nhật, thay đổi cấu trúc cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Đối với kết quả của các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường: Dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ kết quả nộp lưu theo quy định về quản lý các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; các quy hoạch, kế hoạch; số liệu kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá: Dữ liệu được cập nhật là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành, phê duyệt (có đóng dấu xác nhận).

3. Đối với kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại Giấy phép và các nội dung liên quan đến cấp phép: Dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ và quyết định hoặc giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

4. Đối với dữ liệu về kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo: Dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ vụ việc và việc thực hiện quyết định giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Đối với các dữ liệu tài nguyên và môi trường khác: Dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình giải quyết đến khi hoàn thành.

6. Tiêu chuẩn, dữ liệu thông tin đầu vào đối với tài liệu lưu trữ điện tử: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 quy định ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

7. Hệ thống tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 22 quy định ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, có trách nhiệm.

1. Kiểm soát, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính, cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. Vận hành cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định hiện hành.

3. Các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thu thập, thu nhận cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ khai thác, cung cấp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của Cơ sở dữ liệu. Nếu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép cần có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

5. Việc bảo quản tài liệu số được thực hiện theo quy định tại Điều 35 quy định ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Trách nhiệm kiểm duyệt dữ liệu khi được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm kiểm duyệt các thông tin được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu và đảm bảo lưu vết (log) hệ thống của toàn bộ các quá trình cập nhật dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định; tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin được lưu trữ, khai thác và sử dụng trong cơ sở dữ liệu.

2. Đơn vị được giao trực tiếp cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu phải thực hiện cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thường xuyên thông qua các phần mềm chuyên dụng; tổ chức quản lý, lưu trữ, bảo quản cơ sở dữ liệu đã cập nhật. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật đối với các phần dữ liệu được phân công cập nhật. Định kỳ ba tháng một lần sao lưu dữ liệu tài nguyên và môi trường trên đĩa cứng, ổ cứng di động, đĩa quang (CD, DVD) và lưu trữ theo quy trình quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý, vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng đối với hệ thống lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng. ✓

3. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường Sơn La có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với quản trị mạng, cơ quan chuyên môn về an toàn thông tin bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt. Tổ chức phân quyền truy cập dữ liệu, sử dụng các chức năng của hệ thống phần mềm cho các cơ quan đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan theo chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

Chương III

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Hình thức khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu

Việc khai thác và sử dụng dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La được thực hiện thông qua các hình thức sau đây.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện truy cập trực tiếp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng trên hạ tầng mạng LAN, WAN, hoặc hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường quản lý, lưu trữ vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

2. Khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet được thực hiện thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La; các Trang cung cấp thông tin chuyên ngành, Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành được phép kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu đối với cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi trực tiếp tại cơ quan quản lý hoặc theo đường bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

4. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. Đối với hồ sơ, dữ liệu đất đai: Ngoài việc khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu bằng phiếu, văn bản yêu cầu hoặc hợp đồng, có thể thực hiện tra cứu trực tuyến thông tin đất đai qua mạng internet, cổng thông tin đất đai, dịch vụ tin nhắn SMS; trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính; Sao thông tin chiết xuất từ cơ sở dữ liệu đất đai vào thiết bị nhớ.

6. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được trích xuất từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu

bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp pháp luật quy định việc cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan có thẩm quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm vận hành hệ thống theo đúng quy định, đảm bảo an ninh an toàn dữ liệu và tính bảo mật của hệ thống.

a) Chỉ sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu, truy xuất dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trong phạm vi cho phép và phục vụ vào các mục đích theo đúng quy định.

b) Ban hành các quy tắc hành chính trong nội bộ đơn vị về các bí mật, hoạt động liên quan đến hệ thống cơ sở dữ liệu trong phạm vi được phân công của đơn vị. Quy định rõ trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân trong các trường hợp xảy ra mất dữ liệu, hỏng hóc hệ thống hoặc lộ thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu.

Điều 12. Trình tự, thủ tục khai thác và sử dụng dữ liệu

Cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 13. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khi tham gia khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu được cấp quyền truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu, cụ thể:

1.1. Cấp tài khoản cho người sử dụng

Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các phòng, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ cấp tài khoản cho người sử dụng (theo văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống) gồm các phòng chuyên môn thuộc Sở, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, công chức địa chính các xã, phường, thị trấn.

- Mọi tài khoản được cấp phải được định danh đến từng người dùng cụ thể.

- Mỗi cá nhân được cấp không quá một tài khoản để đăng nhập vào phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống file bản đồ địa chính dùng chung.

- Trường hợp có yêu cầu thay đổi về quyền của tài khoản thì trường các cơ quan, đơn vị được cấp tài khoản phải có văn bản đề nghị gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định.

- Những đơn vị khác được Sở giao nhiệm vụ thực hiện các dự án liên quan đến việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, tài khoản chỉ được cấp khi kế hoạch thi công đã phê duyệt.

1.2. Tài khoản cấp cho người sử dụng được phân thành 03 loại:

- Tài khoản sử dụng để đọc (xem);
- Tài khoản sử dụng để đọc, xem và cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;
- Tài khoản chỉnh sửa, thiết lập hệ thống.

Tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan sẽ được cấp tài khoản thích hợp như trên và được cấp quyền truy cập vào thành phần cơ sở dữ liệu đúng với chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Sử dụng và bảo quản tài khoản

- Người dùng có trách nhiệm bảo quản tài khoản theo các quy định về an toàn, an ninh thông tin.

- Trường hợp thất thoát tài khoản làm xảy ra thiệt hại liên quan đến cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, người sở hữu tài khoản đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các phòng, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ theo dõi, quản lý, báo cáo và đề xuất xử lý đối với các tài khoản đã cấp theo quy định.


1.4. Khóa tài khoản

a) Các tài khoản bị khóa trong các trường hợp sau đây:

- Tài khoản không sử dụng quá một tháng;
- Tài khoản mới cấp nhưng trong vòng một tuần không đổi mật khẩu;
- Tài khoản sử dụng mật khẩu yếu (mật khẩu có dạng 123456, abcd hoặc trùng tên với tài khoản ...);
- Tài khoản bị phát hiện thất thoát;
- Tài khoản sử dụng để cập nhật dữ liệu công trình, khi công trình đã nghiệm thu.

b) Trường hợp đơn vị được cấp tài khoản có nhân viên nghỉ hoặc điều chuyển công tác mà công việc không cần thiết phải sử dụng tài khoản đã cấp, Thủ trưởng các đơn vị phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định khóa tài khoản.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

3. Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm: 

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm.

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến.

4. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng.

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố.

Điều 14. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân được quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

a) Đối với khai thác thông tin, dữ liệu theo cách chia sẻ dữ liệu mặc định: cơ quan khai thác dữ liệu thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

b) Đối với khai thác thông tin, dữ liệu theo cách chia sẻ dữ liệu đặc thù: cơ quan khai thác dữ liệu phối hợp với đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

c) Đối với khai thác thông tin, dữ liệu khác: Các tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Tổ chức, cá nhân khi khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện theo quy định tại Điều 15 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng đều phải trả phí, chi phí khai thác dữ liệu và sử dụng thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định này.

Điều 15. Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu

1. Việc cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 16 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

2. Quy trình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 39, Điều 40 quy định ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La có trách nhiệm sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Các tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La có trách nhiệm thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 52 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và Điều 18 Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

3. Trường hợp thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu có liên quan đến bên thứ ba thì bên thứ ba phải thực hiện các cam kết, thỏa thuận về khai thác, sử dụng dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý Kho cơ sở dữ liệu.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh, cụ thể:

1. Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức quản lý, lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường. Tổ chức công bố thông tin, dữ liệu trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường; phối hợp công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và

môi trường giữa các cơ sở dữ liệu của tỉnh, các tỉnh, thành phố khác và các Bộ, ngành Trung ương.

4. Tổ chức cấp, theo dõi tài khoản truy cập cho cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; khóa và xử lý người được cấp tài khoản nếu vi phạm.

5. Tổ chức, hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; tiến hành theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán kinh phí phục vụ cho công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng kinh phí khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định hiện hành.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai đã được phê duyệt.

8. Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan để tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu; cung cấp dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh theo quy định.

9. Giao Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý nhà nước theo quy định; phục vụ công tác giải quyết thanh tra, kiểm tra, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, đào tạo và giáo dục...

10. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo tình hình thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

11. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; Hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La

1. Tham mưu thực hiện chương trình, ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu

tài nguyên và môi trường sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu tỉnh Sơn La, các tỉnh, thành phố khác và các Bộ, ngành Trung ương.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh hoạt động hiệu quả 24/24h.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành của tỉnh tổ chức xây dựng, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hỗ trợ việc thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ cho các ngành, các lĩnh vực khai thác, sử dụng.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự toán của Sở Tài nguyên và Môi trường lập, gửi và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính thẩm định dự toán, tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này; kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La hoặc Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân có dữ liệu tài nguyên và môi trường (được tạo lập từ nguồn vốn ngân sách nhà nước) có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu cho các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường nhằm thống nhất trong quản lý khai thác và công bố thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Kịp thời gửi văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị cấp, thay đổi hoặc khóa tài khoản đối với người sử dụng thuộc cơ quan, đơn vị mình theo quy định.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh